TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-PT
Ngày: 25-01-2019
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 198/2018/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2019/QĐPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hồng D, sinh năm 1988, cư trú tại: Số nhà 49/6, ấp A, xã H, huyện P1, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú tại: Ấp B, xã G, huyện P1, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Nhật Long H1, Luật sư của Văn phòng luật sư HN, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1974, cư trú tại: Số nhà 23/2, ấp B, xã G, huyện P1, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Đinh Văn P1, sinh năm 1971, cư trú tại: Số nhà 23/2, ấp B, xã G, huyện P1, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: Ông Đinh Văn P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Hồng D trình bày:

Bà có tham gia chơi hụi do bà D1 làm chủ, gồm các dây hụi sau:

Dây hụi thứ nhất: Hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 10/5/2016, đóng hụi ngày 20/05/2016, gồm có 24 hụi viên, mãn hụi ngày 20/3/2018. Bà đóng được 20 tháng từ ngày 20/5/2016 đến ngày 20/11/2017 số tiền đóng là 100.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: Hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 05/10/2016, đóng hụi ngày 15/10/2016, gồm có 24 hụi viên, mãn hụi ngày 15/8/2018. Bà đóng được 15 tháng là 75.000.000 đồng.

Dây hụi thứ ba: Hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 12/02/2017, đóng hụi ngày 22/02/2017, gồm có 24 hụi viên, hụi mãn ngày 22/12/2018. Bà đóng được 11 tháng, từ ngày 22/02/2017 đến ngày 22/11/2017 với số tiền là 55.000.000 đồng.

Dây hụi thứ tư: Hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 25/01/2017, đóng hụi ngày 05/02/2017, gồm có 24 hụi viên, hụi mãn ngày 05/12/2018. Bà đóng được 11 tháng từ ngày 05/02/2017 đến 05/11/2017 với số tiền là 33.000.000 đồng.

Dây hụi thứ năm: Hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 15/6/2016, đóng hụi 25/6/2016 gồm có 24 hụi viên, hụi mãn ngày 25/4/2018. Bà đóng được 19 tháng từ ngày 25/06/2016 đến 25/11/2017 với số tiền là 38.000.000 đồng.

Dây hụi thứ sáu (dây hụi mua): Hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 19/02/2017, đóng hụi ngày 29/02/2017 gồm có 24 hụi viên, hụi mãn ngày 29/12/2018. Bà giao tiền cho bà D1, số tiền giao là 90.500.000 đồng, dây hụi này bà mua lại của bà D1.

Dây hụi thứ bảy (dây hụi mua): Hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 25/01/2017, đóng hụi ngày 05/02/2017 gồm có 24 hụi viên, hụi mãn ngày 05/12/2018. Bà giao tiền cho bà D1, số tiền giao là 55.500.000 đồng, dây hụi này bà mua lại của bà D1.

Như vậy, tổng số tiền hụi mà bà D1 còn nợ của bà là 447.000.000 đồng, bà đã nhiều lần yêu cầu bà D1 trả nhưng bà D1 không trả, bà yêu cầu Tòa án buộc bà D1 và ông P có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 447.000.000 đồng, trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị D1 trình bày:

Bà D có tham gia chơi 07 dây hụi do bà làm chủ, nhưng các dây hụi này chưa mãn, do bà D ngưng không đóng hụi nên bà chỉ đồng ý trả lại vốn là số tiền bà D đã đóng hụi, cụ thể:

Dây hụi thứ nhất: Hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 10/5/2016, đóng hụi ngày 20/05/2016, gồm có 24 hụi viên. Bà Lê Thị Hồng D đã đóng được 70.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: Hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 05/10/2016, đóng hụi ngày 15/10/2016, gồm có 24 hụi viên. Bà Lê Thị Hồng D đã đóng được 52.500.000 đồng.

Dây hụi thứ ba: Hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 12/02/2017, đóng hụi ngày 22/02/2017, gồm có 24 hụi viên. Bà Lê Thị Hồng D đã đóng được 38.500.000 đồng.

Dây hụi thứ tư: Hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 25/01/2017, đóng hụi ngày 05/02/2017, gồm có 24 hụi viên. Bà Lê Thị Hồng D đã đóng được 26.400.000 đồng.

Dây hụi thứ năm: Hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 15/6/2016, đóng hụi 25/6/2016 gồm có 24 hụi viên. Bà Lê Thị Hồng D đã đóng được 28.500.000 đồng.

Dây hụi thứ sáu (dây hụi mua): Hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 19/02/2017, đóng hụi ngày 29/02/2017 gồm có 24 hụi viên. Dây hụi này bà Lê Thị Hồng D đã đóng được 91.000.000 đồng.

Dây hụi thứ bảy (dây hụi mua): Hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 25/01/2017, đóng hụi ngày 05/02/2017 gồm có 24 hụi viên. Bà Lê Thị Hồng D đã đóng được 55.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi mà bà D đóng là 361.900.000 đồng bà đồng ý trả, nhưng yêu cầu được trả dần số tiền trên. Hụi do bà tự tổ chức chơi chồng bà là ông Đinh Văn P không biết nên bà không đồng ý cùng ông P liên đới trả nợ cho bà D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn P trình bày:

Ông không có liên quan gì đến việc chơi hụi, bà D1 không có sử dụng tiền hụi vào mục đích chung cho gia đình nên ông không đồng ý cùng bà D1 liên đới trả nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 198/2018/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P1 đã quyết định như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng D.

Buộc bà Nguyễn Thị D1 và ông Đinh Văn P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Hồng D số tiền 361.900.000 đồng (ba trăm sáu mươi mốt triệu chín trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/10/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn P kháng cáo yêu cầu sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 198/2018/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P1, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông có trách nhiệm liên đới trả nợ với bà D1.

Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án bà D1 thừa nhận tổ chức chơi hụi để lo cho cuộc sống gia đình và ông P thừa nhận biết bà D1 tổ chức chơi hụi. Do ông P, bà D1 tồn tại hôn nhân hợp pháp nên phải có trách nhiệm cùng liên đới trả nợ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Văn P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Đinh Văn P cho rằng không biết việc bà D1 tổ chức chơi hụi và bà D có tham gia chơi hụi do bà D1 làm chủ nên không đồng ý liên đới cùng bà D1 trả nợ. Tuy nhiên, tại Biên bản hòa giải ngày 22/3/2018 (BL 62) bà D1 trình bày rằng việc bà tổ chức chơi hụi thì ông P biết và không có ý kiến gì và tiền có được do tổ chức chơi hụi thì bà sử dụng vào mục đích chi tiêu trong gia đình.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà D1 và ông P vẫn còn tồn tại, cùng sống chung một nhà, ông P cho rằng không biết và không sử dụng tiền hụi của bà D1 vào mục đích chung trong gia đình nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình buộc ông

Đinh Văn P có nghĩa vụ liên đới với bà Nguyễn Thị D1 trả cho bà Lê Thị Hồng D số tiền 361.900.000 đồng là phù hợp, nên giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 198/2018/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P1, tỉnh Bến Tre, đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên được chấp nhận.

[2] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bà Nguyễn Thị D1 và ông Đinh Văn P phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 18.095.000 đồng.

Bà Lê Thị Hồng D phải chịu án phí là 4.255.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.940.000 đồng theo biên lai thu số 0014362 ngày 07/3/2018. Hoàn tiền tạm ứng án phí còn lại cho bà Lê Thị Hồng D là 6.685.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đinh Văn P phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018665 ngày 26/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P1, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Văn P;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 198/2018/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P1, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị định số: 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, bêu, phường; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng D về tranh chấp hợp đồng góp hụi với bị đơn bà Nguyễn Thị D1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn P.

Buộc bà Nguyễn Thị D1 và ông Đinh Văn P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Hồng D số tiền 361.900.000 đồng (ba trăm sáu mươi mốt triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D1 và ông Đinh Văn P phải có nghĩa vụ liên đới chịu 18.095.000 đồng (mười tám triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Bà Lê Thị Hồng D phải chịu án phí là 4.255.000 đồng (bốn triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.940.000 đồng (mười triệu chín trăn bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014362 ngày 07/3/2018. Hoàn tiền tạm ứng án phí còn lại cho bà Lê Thị Hồng D là 6.685.000 đồng (sáu triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đinh Văn P phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018665 ngày 26/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P1, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện P1;
- Chi cục THADS huyện P1;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Hương